



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

Tỉnh Bến Tre

Số 24

Ngày 12 tháng 8 năm 2024

## MỤC LỤC

Trang

### VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

02-08-2024	Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ban hành Quy định mô hình quản lý khu du lịch cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Bến Tre.	2
02-08-2024	Quyết định số 25/2024/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Bến Tre.	12
06-08-2024	Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành.	15
06-08-2024	Quyết định số 27/2024/QĐ-UBND quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh Bến Tre.	17
06-08-2024	Quyết định số 28/2024/QĐ-UBND ban hành Quy chế xét tặng danh hiệu Công dân Đồng Khởi tiêu biểu và Công dân Đồng Khởi danh dự.	31

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 24 /2024/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 02 tháng 8 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định mô hình quản lý  
khu du lịch cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;*

*Căn cứ Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 6 năm 2023;*

*Căn cứ Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch;*

*Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông*

tu số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định một số điều của Luật Du lịch;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 2199/TTr-SVHTTDL ngày 26 tháng 7 năm 2024.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mô hình quản lý khu du lịch cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

#### **Điều 2. Điều khoản thi hành**

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2024./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Bé Mười**

**QUY ĐỊNH**

**Mô hình quản lý khu du lịch cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Bến Tre**  
(Kèm theo Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

**Chương I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về mô hình quản lý khu du lịch cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Bến Tre (sau đây gọi tắt là *khu du lịch cấp tỉnh*) bao gồm: các hình thức tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh; nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh; trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác quản lý khu du lịch cấp tỉnh.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi tắt là *UBND cấp huyện*); Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là *UBND cấp xã*); tổ chức, cá nhân có liên quan; cộng đồng dân cư tham gia hoạt động du lịch và các dịch vụ tại các khu du lịch cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh là tổ chức được thành lập và có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý khu du lịch cấp tỉnh.
- Tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh do cơ quan Nhà nước đầu tư hình thành là tổ chức do UBND cấp huyện thành lập theo quy định của pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp huyện.
- Tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh do doanh nghiệp hoặc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đầu tư hình thành là doanh nghiệp hoặc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đầu tư xây dựng, quản lý và khai thác khu du lịch cấp tỉnh được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, hợp tác xã.

**Điều 4. Nguyên tắc quản lý chung**

- Quản lý khu du lịch cấp tỉnh phải tuân thủ các quy định của Luật Du lịch, Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.
- Quản lý, đầu tư xây dựng, khai thác khu du lịch cấp tỉnh phải phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển du lịch của tỉnh.

## **Chương II**

### **CÁC HÌNH THỨC TỔ CHỨC QUẢN LÝ KHU DU LỊCH CẤP TỈNH**

#### **Điều 5. Các mô hình tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh**

1. Mô hình tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh do UBND cấp huyện thành lập theo quy định của pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp huyện.

2. Mô hình tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh do doanh nghiệp hoặc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đầu tư hình thành.

#### **Điều 6. Thành lập, tổ chức lại, giải thể các mô hình quản lý khu du lịch cấp tỉnh**

1. Thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh do UBND cấp huyện thành lập theo quy định của pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp huyện.

a) Việc thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ Quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Căn cứ vào điều kiện thực tế của địa phương, UBND cấp huyện quyết định giao cho tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh quản lý một hoặc nhiều khu du lịch trên địa bàn quản lý.

c) Đối với khu du lịch cấp tỉnh nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên, UBND cấp huyện nơi có phần diện tích khu du lịch cấp tỉnh lớn hơn thực hiện thành lập tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh.

d) Tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh thực hiện cơ chế tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Việc thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh do doanh nghiệp hoặc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đầu tư hình thành thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, hợp tác xã và các quy định pháp luật có liên quan.

## **Chương III**

### **NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN**

#### **CỦA TỔ CHỨC QUẢN LÝ KHU DU LỊCH CẤP TỈNH**

#### **Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh do UBND cấp huyện thành lập theo quy định của pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp huyện**

1. Nhiệm vụ của tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh do UBND cấp huyện thành lập theo quy định của pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp huyện

a) Nghiên cứu, xây dựng trình UBND cấp huyện ban hành quy hoạch phát

triển khu du lịch cấp tỉnh; kế hoạch phát triển khu du lịch cấp tỉnh dài hạn, trung hạn, hàng năm và tổ chức triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt.

b) Nghiên cứu, xây dựng trình UBND cấp huyện về các chủ trương, chính sách đặc thù, chính sách ưu đãi thu hút đầu tư phát triển dự án khu du lịch cấp tỉnh đảm bảo phù hợp với các quy hoạch của UBND cấp huyện.

c) Nghiên cứu, đánh giá, xác định sức chứa của khu du lịch cấp tỉnh để quản lý và tổ chức khai thác, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên du lịch.

d) Xây dựng hoặc phối hợp xây dựng và triển khai kế hoạch quản lý, đầu tư phát triển, bảo tồn, nâng cao giá trị, đa dạng hóa tài nguyên du lịch trong phạm vi khu du lịch cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

e) Tham mưu UBND cấp huyện về nghiên cứu, xây dựng Quy chế phối hợp quản lý đối với khu du lịch cấp tỉnh nằm trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên.

g) Tham mưu đề xuất UBND cấp huyện về cung cấp dịch vụ và định mức, khung giá dịch vụ hỗ trợ phát triển khu du lịch cấp tỉnh.

h) Tổ chức, cung cấp dịch vụ hướng dẫn, thuyết minh phục vụ khách du lịch; quản lý hoạt động của hướng dẫn viên du lịch tại điểm tại khu du lịch cấp tỉnh.

i) Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; về phòng cháy chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trong khu du lịch cấp tỉnh; có các biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn cho khách du lịch, phục vụ công tác đảm bảo quốc phòng, an ninh.

k) Xây dựng hệ thống sơ đồ, biển báo, biển chỉ dẫn các khu chức năng, điểm cung cấp thông tin phục vụ khách du lịch, số điện thoại đường dây nóng của khu du lịch cấp tỉnh.

l) Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về nghiệp vụ du lịch, các kỹ năng nghề và ngoại ngữ cho đội ngũ lao động trong khu du lịch cấp tỉnh.

m) Nghiên cứu xây dựng, phát triển sản phẩm dịch vụ du lịch, thương hiệu của khu du lịch cấp tỉnh; tổ chức hoặc phối hợp tổ chức các hoạt động truyền thông, quảng bá, xúc tiến các sản phẩm dịch vụ của khu du lịch cấp tỉnh; ứng dụng du lịch thông minh và chuyển đổi số trong du lịch, cung cấp thông tin cho khách du lịch kịp thời, hiệu quả.

n) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 10 Quy định này.

2. Quyền hạn của tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh do UBND cấp huyện thành lập theo quy định của pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp huyện.

a) Quản lý, khai thác tài nguyên du lịch trong phạm vi khu du lịch cấp tỉnh; liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân để tổ chức kinh doanh dịch vụ du lịch.

b) Tham gia ý kiến đối với các dự án đầu tư, điều chỉnh quy hoạch trong

phạm vi khu du lịch cấp tỉnh.

c) Quản lý, kiểm tra và giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật, nội quy đối với các đơn vị kinh doanh du lịch; giám sát chất lượng dịch vụ du lịch trong phạm vi khu du lịch cấp tỉnh; lập biên bản ban đầu, bảo vệ hiện trường, bảo quản tang vật vi phạm, kịp thời báo cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

d) Thu, nộp, quản lý và sử dụng ngân sách được giao, các loại phí tham quan, phí dịch vụ hỗ trợ phát triển khu du lịch cấp tỉnh, các khoản thu từ hoạt động liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân, cho thuê tài sản và các khoản thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

e) Tiếp nhận giải quyết khiếu nại, phản ánh, kiến nghị, đề xuất, góp ý của khách du lịch trong phạm vi khu du lịch cấp tỉnh.

### **Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh do doanh nghiệp hoặc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đầu tư hình thành.**

1. Nhiệm vụ của tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh do doanh nghiệp hoặc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đầu tư hình thành.

a) Thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm c, d, h, i, k, l, m, n khoản 1 Điều 7 Quy định này.

b) Cung cấp dịch vụ và định mức, khung giá dịch vụ hỗ trợ phát triển khu du lịch cấp tỉnh.

2. Quyền hạn của tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh do doanh nghiệp hoặc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đầu tư hình thành.

a) Thực hiện quyền hạn quy định tại điểm a, b, e khoản 2 Điều 7 Quy định này.

b) Quản lý chất lượng dịch vụ du lịch trong phạm vi khu du lịch cấp tỉnh.

### **Điều 9. Cơ chế phối hợp**

1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện các nhiệm vụ trong công tác quản lý và phát triển khu du lịch cấp tỉnh.

2. Cơ chế phối hợp trong quản lý khu du lịch cấp tỉnh nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên:

a) UBND cấp huyện nơi có phần diện tích khu du lịch cấp tỉnh lớn hơn chủ trì, phối hợp UBND cấp huyện còn lại xây dựng Quy chế phối hợp quản lý khu du lịch cấp tỉnh.

b) Quy chế phối hợp quản lý khu du lịch cấp tỉnh giữa 02 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên được ký kết sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Nội dung Quy chế phối hợp quản lý khu du lịch cấp tỉnh gồm: phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nguyên tắc và nội dung phối hợp, cơ quan chủ

trì, cơ quan phối hợp, tổ chức thực hiện.

### **Điều 10. Chế độ báo cáo của tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh**

1. Tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất theo quy định gồm:

a) Báo cáo định kỳ gửi về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và UBND cấp huyện. Cụ thể: báo cáo quý (trước ngày 30 tháng cuối của quý báo cáo), báo cáo năm (trước ngày 15/11 của năm báo cáo).

b) Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và UBND cấp huyện.

2. Nội dung báo cáo gồm đánh giá công tác thực hiện các nội dung quản lý khu du lịch cấp tỉnh (kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn; khó khăn, hạn chế, nguyên nhân; phương hướng hoạt động trong thời gian tới, đề xuất và kiến nghị (nếu có).

### **Điều 11. Cơ chế tài chính**

1. Tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh quy định tại khoản 1, Điều 5 Quy định này thực hiện theo cơ chế tự chủ tài chính theo quy định hiện hành tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh quy định tại khoản 2 Điều 5 của Quy định này, thực hiện cơ chế tài chính theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp, hợp tác xã.

## **Chương IV**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ KHU DU LỊCH CẤP TỈNH**

#### **Điều 12. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh**

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Hướng dẫn, triển khai các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến công tác quản lý khu du lịch cấp tỉnh.

b) Định hướng, quy hoạch phát triển khu du lịch cấp tỉnh; định hướng công tác quản lý và khai thác sử dụng hiệu quả tài nguyên du lịch, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, đào tạo nguồn nhân lực trong phạm vi khu du lịch cấp tỉnh.

c) Tham gia thẩm định các đề án, dự án trọng điểm, quy hoạch phát triển khu du lịch cấp tỉnh.

d) Tổ chức, phối hợp tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về nghiệp vụ du lịch, các kỹ năng nghề và ngoại ngữ cho đội ngũ quản lý, nhân viên phục vụ, hướng dẫn viên du lịch tại điểm tại các khu du lịch cấp tỉnh.

e) Thẩm định hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định công nhận khu du lịch cấp tỉnh.



g) Lập hồ sơ đề nghị công nhận khu du lịch cấp tỉnh đối với khu du lịch nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận khu du lịch cấp tỉnh.

h) Hỗ trợ các hoạt động xúc tiến đầu tư, truyền thông, quảng bá khu du lịch cấp tỉnh trong chương trình giới thiệu, quảng bá, xúc tiến du lịch của tỉnh.

i) Thực hiện thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong quản lý và kinh doanh dịch vụ du lịch tại các khu du lịch cấp tỉnh.

k) Tham gia ý kiến đối với Quy chế phối hợp quản lý khu du lịch cấp tỉnh nằm trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên theo đề nghị của UBND cấp huyện, nơi đặt trụ sở của đơn vị quản lý khu du lịch cấp tỉnh.

l) Phối hợp hỗ trợ, hướng dẫn xây dựng hệ thống sơ đồ, biển báo, biển chỉ dẫn, điểm cung cấp thông tin, hỗ trợ phục vụ khách du lịch tại khu du lịch cấp tỉnh.

m) Hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo thống kê du lịch định kỳ theo quy định, báo cáo đột xuất.

## 2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí vốn đầu tư thực hiện các chương trình, dự án hạ tầng phát triển du lịch theo kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm đã được phê duyệt.

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan giám sát, theo dõi các nguồn vốn đầu tư theo quy định.

## 3. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân các cấp hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, môi trường, tài nguyên và đa dạng sinh học đối với các dự án đầu tư phát triển du lịch tại các khu du lịch cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

b) Thực hiện việc kiểm tra sử dụng đất, kiểm tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các khu du lịch cấp tỉnh và xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

## 4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Phối hợp trong công tác thực hiện quản lý các dự án đầu tư phát triển các khu du lịch cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh có liên quan đến các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, ngư nghiệp theo chức năng quản lý ngành.

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn tổ chức, cá nhân sử dụng đất rừng để phát triển du lịch sinh thái, kết hợp bảo tồn tài nguyên thiên nhiên tại các khu du lịch cấp tỉnh.

## 5. Sở Giao thông vận tải

a) Phối hợp, hỗ trợ về công tác đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông đến

các khu du lịch cấp tỉnh theo đề xuất của địa phương khi có điều kiện về nguồn vốn.

b) Phối hợp triển khai thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan đến lĩnh vực ngành giao thông vận tải.

#### 6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Triển khai thực hiện các đề án, chương trình, kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bến Tre, trong đó quan tâm đào tạo nguồn nhân lực đội ngũ quản lý, nhân viên phục vụ, hướng dẫn viên du lịch tại các điểm du lịch, các khu du lịch cấp tỉnh quản lý; chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tích cực triển khai thực hiện công tác bồi dưỡng, đào tạo nhân lực trong lĩnh vực du lịch.

#### 7. Sở Nội vụ

Hướng dẫn việc thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh đối với mô hình tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh do UBND cấp huyện thành lập theo quy định của pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp huyện.

#### 8. Công an tỉnh

Triển khai, hướng dẫn công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn cho khách du lịch; công tác đảm bảo quốc phòng, an ninh; quản lý khách quốc tế đến các khu du lịch cấp tỉnh nằm trong khu vực biên giới biển; công tác phòng, chống cháy nổ, cứu hộ, cứu nạn đối với khu du lịch cấp tỉnh.

#### 9. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

Chủ trì, phối hợp kiểm tra, kiểm soát, giữ gìn an ninh, trật tự đảm bảo cho khách du lịch quốc tế đến các khu du lịch cấp tỉnh nằm trong khu vực biên giới biển theo quy định của pháp luật; thực hiện nghiêm các quy định tại Nghị định số 71/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về quản lý hoạt động của người, phương tiện trong khu vực biên giới biển nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

#### 10. Liên minh Hợp tác xã tỉnh

Tư vấn, hướng dẫn các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động theo Luật Hợp tác xã; phối hợp các đơn vị liên quan hướng dẫn các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện quản lý khu du lịch cấp tỉnh theo mô hình quản lý khu du lịch cấp tỉnh do hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đầu tư hình thành.

11. Các sở, ban, ngành, có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với khu du lịch cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh.

### **Điều 13. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện**

1. Thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh do cơ quan Nhà nước đầu tư hình thành theo quy định pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp huyện và Quy định này.

2. Đảm bảo duy trì các điều kiện công nhận khu du lịch cấp tỉnh.

3. Thực hiện cơ chế phối hợp trong quản lý khu du lịch cấp tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Quy định này.

4. Chỉ đạo tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh, các cơ quan chuyên môn, UBND cấp xã nơi có khu du lịch cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp với tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh thực hiện công tác bảo đảm an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã**

Phối hợp với tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh thuộc địa bàn quản lý thực hiện công tác bảo đảm an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 15. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân**

Tổ chức, cá nhân có liên quan đến khu du lịch cấp tỉnh có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật và nội quy của khu du lịch cấp tỉnh; giữ gìn vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, an ninh trật tự và bảo vệ tài nguyên du lịch trong khu du lịch cấp tỉnh.

#### **Điều 16. Điều khoản thi hành**

1. Các nội dung liên quan đến quản lý khu du lịch cấp tỉnh không được quy định tại Quy định này, thì thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này, nếu phát sinh những vấn đề chưa phù hợp, cần sửa đổi, bổ sung, thay thế; các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức và cá nhân đề xuất đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25 /2024/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 02 tháng 8 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Bến Tre**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BCT ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2023/TT-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Công Thương;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 1741/TTr-SCT ngày 25 tháng 7 năm 2024.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Bến Tre:**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 như sau:

“1. Sở Công Thương là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về công thương, bao gồm các ngành và lĩnh vực: cơ khí; luyện kim; điện; năng lượng mới; năng lượng tái tạo; sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; dầu khí (nếu có); hóa chất; vật liệu nổ công nghiệp; công nghiệp tiêu dùng; công nghiệp thực phẩm; công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp môi trường; công nghiệp chế biến khác; tiêu thủ công nghiệp; khuyến công; hoạt động thương mại và lưu thông hàng hoá trên địa bàn; sản xuất và tiêu dùng bền vững; xuất khẩu, nhập khẩu; dịch vụ logistics; xúc tiến thương mại; thương mại điện tử; dịch vụ thương mại; quản lý cạnh tranh; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp; phòng vệ thương mại; hội nhập kinh tế quốc tế; quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.”

2. Sửa đổi, bổ sung đoạn 5 điểm c khoản 4 Điều 2 như sau:

“Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác tập huấn, sát hạch và cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực theo quy định của Bộ Công Thương.”

3. Sửa đổi, bổ sung đoạn 9 điểm c khoản 4 Điều 2 như sau:

“Tổ chức lập kế hoạch kiểm tra, đôn đốc các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trên địa bàn áp dụng mô hình quản lý năng lượng; kiểm tra, giám sát việc áp dụng các tiêu chuẩn, định mức, quy chuẩn kỹ thuật về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành trong công nghiệp, kinh doanh, thương mại và dân dụng; tổng hợp danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trên địa bàn, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để gửi văn bản về Bộ Công Thương.”

4. Sửa đổi, bổ sung đoạn 4 điểm i khoản 4 Điều 2 như sau:

“Chủ trì hoặc tham gia ý kiến các hồ sơ, thủ tục liên quan đến triển khai dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và dự án sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật.”

5. Bổ sung điểm o khoản 4 Điều 2 như sau:

“o) Quản lý nhà nước và kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình chuyên ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện theo quy định pháp luật về xây dựng.”

6. Sửa đổi, bổ sung đoạn 1 điểm a khoản 5 Điều 2 như sau:

“Tham mưu xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch, cơ chế, chính sách quản lý và phát triển theo chức năng, thẩm quyền: các loại hình kết cấu hạ tầng thương mại như chợ, trung tâm thương mại, trung tâm mua sắm, siêu thị, cửa hàng bán lẻ, sở giao dịch hàng hóa, trung tâm hội chợ, triển lãm, trung tâm đấu giá hàng hóa, trung tâm logistics và các loại hình kết cấu hạ tầng thương mại khác;

các loại hình tổ chức, hình thức và phương thức kinh doanh thương mại, như hợp tác xã thương mại, bán buôn, bán lẻ, đại lý thương mại, nhượng quyền thương mại, dịch vụ thương mại trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.”

7. Bổ sung điểm m khoản 5 Điều 2 như sau:

“m) Về dịch vụ logistics:

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan tham mưu xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách, pháp luật, phương án phát triển dịch vụ logistics và chương trình, đề án phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh;

Điều phối, hỗ trợ các sở, ban, ngành, các Hiệp hội địa phương phát triển dịch vụ logistics và nâng cao năng lực doanh nghiệp logistics trên địa bàn tỉnh;

Tuyên truyền, phổ biến, phát triển thị trường, kết nối doanh nghiệp dịch vụ logistics với doanh nghiệp sản xuất, xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh.”

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 như sau:

“2. Các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ:

- a) Văn phòng;
- b) Thanh tra;
- c) Phòng Kế hoạch - Tài chính - Tổng hợp;
- d) Phòng Quản lý công nghiệp;
- đ) Phòng Quản lý thương mại;
- e) Phòng Quản lý năng lượng.”

## **Điều 2. Điều khoản thi hành**

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2024./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trần Ngọc Tam**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 26/2024/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 06 tháng 8 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật  
do Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 1117/TTr-SGD&ĐT ngày 07 tháng 5 năm 2024.*

## QUYẾT ĐỊNH:

### **Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật**

Bãi bỏ toàn bộ 02 quyết định sau đây do Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành:

1. Quyết định số 259/2001/QĐ-UB ngày 17 tháng 01 năm 2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc hợp nhất Trung tâm Giáo dục Thường xuyên tỉnh và Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học.

2. Quyết định số 901/2002/QĐ-UB ngày 11 tháng 3 năm 2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc bổ sung nội dung quyết định số 259/2001/QĐ-UB ngày 17 tháng 01 năm 2001 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 2. Điều khoản thi hành**

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ, Tài chính và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 18 tháng 8 năm 2024./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trần Ngọc Tam**



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE

Số: 27/2024/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bến Tre, ngày 06 tháng 8 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức**  
**của Thanh tra tỉnh Bến Tre**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11 tháng 11 năm 2011;*

*Căn cứ Luật Tiếp công dân ngày 25 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Tố cáo ngày 12 tháng 6 năm 2018;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Luật Thanh tra ngày 14 tháng 11 năm 2022;*

*Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-TTCP ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Tổng Thanh tra Chính phủ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Thanh tra huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương;*

*Theo đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh tại Tờ trình số 900/TTr-TT ngày 29 tháng 7 năm 2024.*

**QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1. Vị trí và chức năng**

1. Thanh tra tỉnh Bến Tre (sau đây gọi chung là Thanh tra tỉnh) là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân tỉnh), giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hiện nhiệm vụ thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh; thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

2. Thanh tra tỉnh có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, điều hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và chịu sự chỉ đạo về công tác thanh tra, hướng dẫn nghiệp vụ của Thanh tra Chính phủ.

3. Trụ sở làm việc của Thanh tra tỉnh tại số 108, đường 3 Tháng 2, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

**Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn**

Thanh tra tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau:

**1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh:**

a) Dự thảo quyết định và các văn bản khác về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; dự thảo quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh.

b) Dự thảo chương trình, kế hoạch tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; dự thảo các văn bản khác khi được giao.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo kế hoạch thanh tra của tỉnh; dự thảo các văn bản về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khi được giao.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch và các văn bản khác về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

4. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện), Giám đốc sở trong việc

thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

#### 5. Về thanh tra:

a) Hướng dẫn Thanh tra sở, Thanh tra huyện, thành phố xây dựng dự thảo kế hoạch thanh tra để tổng hợp vào kế hoạch thanh tra của tỉnh, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành; tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra của Thanh tra tỉnh; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch thanh tra của Thanh tra sở, Thanh tra huyện, thành phố.

b) Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật và nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện; thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của các sở không thành lập cơ quan thanh tra; thanh tra việc quản lý vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh là đại diện chủ sở hữu khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

c) Thanh tra lại vụ việc thanh tra hành chính đã có kết luận của Thanh tra sở, Thanh tra huyện, thành phố nhưng phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật; thanh tra vụ việc khác khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

d) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị của Thanh tra tỉnh, quyết định xử lý về thanh tra của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; kiểm tra tính chính xác, hợp pháp đối với kết luận thanh tra của Thanh tra sở, Thanh tra huyện, thành phố và quyết định xử lý sau thanh tra của Giám đốc sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện khi cần thiết.

đ) Hướng dẫn nghiệp vụ thanh tra đối với Thanh tra sở, Thanh tra huyện, thành phố; tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức Thanh tra của tỉnh.

#### 6. Về tiếp công dân:

a) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc tiếp công dân tại địa điểm tiếp công dân theo quy định.

b) Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân, xử lý đơn của Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Hướng dẫn nghiệp vụ cho người làm công tác tiếp công dân thuộc sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

#### 7. Về giải quyết khiếu nại, tố cáo:

a) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

b) Thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về khiếu nại, tố cáo đối với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị

sự nghiệp công lập, đơn vị khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật; kiến nghị các biện pháp để thực hiện hiệu quả công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc phạm vi quản lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Xác minh, báo cáo kết quả xác minh và kiến nghị biện pháp giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khi được giao.

d) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan thuộc quyền quản lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc giải quyết khiếu nại; kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc kiến nghị người có thẩm quyền áp dụng biện pháp cần thiết để chấm dứt vi phạm, xem xét trách nhiệm, xử lý đối với người có hành vi vi phạm pháp luật về khiếu nại.

đ) Xem xét việc giải quyết tố cáo mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Giám đốc sở và tương đương đã giải quyết nhưng có dấu hiệu vi phạm pháp luật; trường hợp có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo có vi phạm pháp luật thì kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết lại theo quy định.

e) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các quyết định giải quyết khiếu nại, kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý tố cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khi được giao.

g) Tiếp nhận, xử lý đơn; giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

#### 8. Về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực:

a) Thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực của Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Phối hợp với Kiểm toán nhà nước, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân trong việc phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý tham nhũng, tiêu cực.

c) Thanh tra vụ việc có dấu hiệu tham nhũng do người công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của chính quyền địa phương thực hiện, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Thanh tra Chính phủ.

d) Kiểm soát tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của chính quyền địa phương theo quy định.

đ) Thanh tra việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng đối với công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

e) Kiểm tra, giám sát nội bộ nhằm ngăn chặn hành vi tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động của Thanh tra tỉnh.

9. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được thực hiện quyền hạn của Thanh tra tỉnh theo quy định của pháp luật; được yêu cầu cơ quan, đơn vị có liên quan cử công chức, viên chức tham gia các đoàn thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

10. Thực hiện hợp tác quốc tế về lĩnh vực thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật và sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và Thanh tra Chính phủ.

11. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật; xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn, nghiệp vụ được giao.

12. Tổ chức sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm hoạt động thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hiện công tác thông tin, tổng hợp, báo cáo kết quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và Thanh tra Chính phủ.

13. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Thanh tra tỉnh; quản lý biên chế, công chức, thực hiện các chế độ, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức thuộc phạm vi quản lý của Thanh tra tỉnh theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

14. Phối hợp với Giám đốc sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, điều động, luân chuyển, biệt phái Chánh Thanh tra theo quy định.

15. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

16. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao và theo quy định của pháp luật.

### Điều 3. Cơ cấu tổ chức và biên chế

1. Lãnh đạo Thanh tra tỉnh gồm: Chánh Thanh tra và không quá 03 Phó Chánh Thanh tra.

2. Tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Văn phòng.

b) Phòng thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

c) Phòng thanh tra Kinh tế.

d) Phòng thanh tra Văn hóa - Xã hội;

đ) Phòng thanh tra phòng, chống tham nhũng và giám sát, kiểm tra, xử lý sau thanh tra.

3. Số lượng cấp phó của các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Thanh tra tỉnh thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

4. Chánh Thanh tra tỉnh quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác, phân bổ biên chế công chức của các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Thanh tra tỉnh trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức đã được Ủy ban nhân dân tỉnh quy định và biên chế công chức do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

5. Việc tuyển dụng, bố trí công chức của Thanh tra tỉnh phải căn cứ vào vị trí việc làm, chức danh, tiêu chuẩn, cơ cấu ngạch công chức theo quy định của pháp luật.

#### Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chánh Thanh tra tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 8 năm 2024 và thay thế Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh Bến Tre./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trần Ngọc Tam**

**QUY ĐỊNH**

**Mô hình quản lý khu du lịch cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Bến Tre**  
(Kèm theo Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

**Chương I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về mô hình quản lý khu du lịch cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Bến Tre (sau đây gọi tắt là *khu du lịch cấp tỉnh*) bao gồm: các hình thức tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh; nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh; trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác quản lý khu du lịch cấp tỉnh.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi tắt là *UBND cấp huyện*); Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là *UBND cấp xã*); tổ chức, cá nhân có liên quan; cộng đồng dân cư tham gia hoạt động du lịch và các dịch vụ tại các khu du lịch cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh là tổ chức được thành lập và có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý khu du lịch cấp tỉnh.
- Tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh do cơ quan Nhà nước đầu tư hình thành là tổ chức do UBND cấp huyện thành lập theo quy định của pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp huyện.
- Tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh do doanh nghiệp hoặc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đầu tư hình thành là doanh nghiệp hoặc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đầu tư xây dựng, quản lý và khai thác khu du lịch cấp tỉnh được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, hợp tác xã.

**Điều 4. Nguyên tắc quản lý chung**

- Quản lý khu du lịch cấp tỉnh phải tuân thủ các quy định của Luật Du lịch, Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.
- Quản lý, đầu tư xây dựng, khai thác khu du lịch cấp tỉnh phải phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển du lịch của tỉnh.

## **Chương II**

### **CÁC HÌNH THỨC TỔ CHỨC QUẢN LÝ KHU DU LỊCH CẤP TỈNH**

#### **Điều 5. Các mô hình tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh**

1. Mô hình tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh do UBND cấp huyện thành lập theo quy định của pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp huyện.

2. Mô hình tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh do doanh nghiệp hoặc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đầu tư hình thành.

#### **Điều 6. Thành lập, tổ chức lại, giải thể các mô hình quản lý khu du lịch cấp tỉnh**

1. Thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh do UBND cấp huyện thành lập theo quy định của pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp huyện.

a) Việc thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ Quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Căn cứ vào điều kiện thực tế của địa phương, UBND cấp huyện quyết định giao cho tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh quản lý một hoặc nhiều khu du lịch trên địa bàn quản lý.

c) Đối với khu du lịch cấp tỉnh nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên, UBND cấp huyện nơi có phần diện tích khu du lịch cấp tỉnh lớn hơn thực hiện thành lập tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh.

d) Tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh thực hiện cơ chế tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Việc thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh do doanh nghiệp hoặc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đầu tư hình thành thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, hợp tác xã và các quy định pháp luật có liên quan.

## **Chương III**

### **NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN**

#### **CỦA TỔ CHỨC QUẢN LÝ KHU DU LỊCH CẤP TỈNH**

#### **Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh do UBND cấp huyện thành lập theo quy định của pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp huyện**

1. Nhiệm vụ của tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh do UBND cấp huyện thành lập theo quy định của pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp huyện

a) Nghiên cứu, xây dựng trình UBND cấp huyện ban hành quy hoạch phát



triển khu du lịch cấp tỉnh; kế hoạch phát triển khu du lịch cấp tỉnh dài hạn, trung hạn, hàng năm và tổ chức triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt.

b) Nghiên cứu, xây dựng trình UBND cấp huyện về các chủ trương, chính sách đặc thù, chính sách ưu đãi thu hút đầu tư phát triển dự án khu du lịch cấp tỉnh đảm bảo phù hợp với các quy hoạch của UBND cấp huyện.

c) Nghiên cứu, đánh giá, xác định sức chứa của khu du lịch cấp tỉnh để quản lý và tổ chức khai thác, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên du lịch.

d) Xây dựng hoặc phối hợp xây dựng và triển khai kế hoạch quản lý, đầu tư phát triển, bảo tồn, nâng cao giá trị, đa dạng hóa tài nguyên du lịch trong phạm vi khu du lịch cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

e) Tham mưu UBND cấp huyện về nghiên cứu, xây dựng Quy chế phối hợp quản lý đối với khu du lịch cấp tỉnh nằm trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên.

g) Tham mưu đề xuất UBND cấp huyện về cung cấp dịch vụ và định mức, khung giá dịch vụ hỗ trợ phát triển khu du lịch cấp tỉnh.

h) Tổ chức, cung cấp dịch vụ hướng dẫn, thuyết minh phục vụ khách du lịch; quản lý hoạt động của hướng dẫn viên du lịch tại điểm tại khu du lịch cấp tỉnh.

i) Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; về phòng cháy chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trong khu du lịch cấp tỉnh; có các biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn cho khách du lịch, phục vụ công tác đảm bảo quốc phòng, an ninh.

k) Xây dựng hệ thống sơ đồ, biển báo, biển chỉ dẫn các khu chức năng, điểm cung cấp thông tin phục vụ khách du lịch, số điện thoại đường dây nóng của khu du lịch cấp tỉnh.

l) Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về nghiệp vụ du lịch, các kỹ năng nghề và ngoại ngữ cho đội ngũ lao động trong khu du lịch cấp tỉnh.

m) Nghiên cứu xây dựng, phát triển sản phẩm dịch vụ du lịch, thương hiệu của khu du lịch cấp tỉnh; tổ chức hoặc phối hợp tổ chức các hoạt động truyền thông, quảng bá, xúc tiến các sản phẩm dịch vụ của khu du lịch cấp tỉnh; ứng dụng du lịch thông minh và chuyển đổi số trong du lịch, cung cấp thông tin cho khách du lịch kịp thời, hiệu quả.

n) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 10 Quy định này.

2. Quyền hạn của tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh do UBND cấp huyện thành lập theo quy định của pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp huyện.

a) Quản lý, khai thác tài nguyên du lịch trong phạm vi khu du lịch cấp tỉnh; liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân để tổ chức kinh doanh dịch vụ du lịch.

b) Tham gia ý kiến đối với các dự án đầu tư, điều chỉnh quy hoạch trong

phạm vi khu du lịch cấp tỉnh.

c) Quản lý, kiểm tra và giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật, nội quy đối với các đơn vị kinh doanh du lịch; giám sát chất lượng dịch vụ du lịch trong phạm vi khu du lịch cấp tỉnh; lập biên bản ban đầu, bảo vệ hiện trường, bảo quản tang vật vi phạm, kịp thời báo cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

d) Thu, nộp, quản lý và sử dụng ngân sách được giao, các loại phí tham quan, phí dịch vụ hỗ trợ phát triển khu du lịch cấp tỉnh, các khoản thu từ hoạt động liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân, cho thuê tài sản và các khoản thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

e) Tiếp nhận giải quyết khiếu nại, phản ánh, kiến nghị, đề xuất, góp ý của khách du lịch trong phạm vi khu du lịch cấp tỉnh.

### **Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh do doanh nghiệp hoặc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đầu tư hình thành.**

1. Nhiệm vụ của tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh do doanh nghiệp hoặc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đầu tư hình thành.

a) Thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm c, d, h, i, k, l, m, n khoản 1 Điều 7 Quy định này.

b) Cung cấp dịch vụ và định mức, khung giá dịch vụ hỗ trợ phát triển khu du lịch cấp tỉnh.

2. Quyền hạn của tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh do doanh nghiệp hoặc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đầu tư hình thành.

a) Thực hiện quyền hạn quy định tại điểm a, b, e khoản 2 Điều 7 Quy định này.

b) Quản lý chất lượng dịch vụ du lịch trong phạm vi khu du lịch cấp tỉnh.

### **Điều 9. Cơ chế phối hợp**

1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện các nhiệm vụ trong công tác quản lý và phát triển khu du lịch cấp tỉnh.

2. Cơ chế phối hợp trong quản lý khu du lịch cấp tỉnh nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên:

a) UBND cấp huyện nơi có phần diện tích khu du lịch cấp tỉnh lớn hơn chủ trì, phối hợp UBND cấp huyện còn lại xây dựng Quy chế phối hợp quản lý khu du lịch cấp tỉnh.

b) Quy chế phối hợp quản lý khu du lịch cấp tỉnh giữa 02 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên được ký kết sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Nội dung Quy chế phối hợp quản lý khu du lịch cấp tỉnh gồm: phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nguyên tắc và nội dung phối hợp, cơ quan chủ

trì, cơ quan phối hợp, tổ chức thực hiện.

### **Điều 10. Chế độ báo cáo của tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh**

1. Tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất theo quy định gồm:

a) Báo cáo định kỳ gửi về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và UBND cấp huyện. Cụ thể: báo cáo quý (trước ngày 30 tháng cuối của quý báo cáo), báo cáo năm (trước ngày 15/11 của năm báo cáo).

b) Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và UBND cấp huyện.

2. Nội dung báo cáo gồm đánh giá công tác thực hiện các nội dung quản lý khu du lịch cấp tỉnh (kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn; khó khăn, hạn chế, nguyên nhân; phương hướng hoạt động trong thời gian tới, đề xuất và kiến nghị (nếu có).

### **Điều 11. Cơ chế tài chính**

1. Tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh quy định tại khoản 1, Điều 5 Quy định này thực hiện theo cơ chế tự chủ tài chính theo quy định hiện hành tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh quy định tại khoản 2 Điều 5 của Quy định này, thực hiện cơ chế tài chính theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp, hợp tác xã.

## **Chương IV**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ KHU DU LỊCH CẤP TỈNH**

#### **Điều 12. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh**

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Hướng dẫn, triển khai các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến công tác quản lý khu du lịch cấp tỉnh.

b) Định hướng, quy hoạch phát triển khu du lịch cấp tỉnh; định hướng công tác quản lý và khai thác sử dụng hiệu quả tài nguyên du lịch, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, đào tạo nguồn nhân lực trong phạm vi khu du lịch cấp tỉnh.

c) Tham gia thẩm định các đề án, dự án trọng điểm, quy hoạch phát triển khu du lịch cấp tỉnh.

d) Tổ chức, phối hợp tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về nghiệp vụ du lịch, các kỹ năng nghề và ngoại ngữ cho đội ngũ quản lý, nhân viên phục vụ, hướng dẫn viên du lịch tại điểm tại các khu du lịch cấp tỉnh.

e) Thẩm định hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định công nhận khu du lịch cấp tỉnh.

g) Lập hồ sơ đề nghị công nhận khu du lịch cấp tỉnh đối với khu du lịch nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận khu du lịch cấp tỉnh.

h) Hỗ trợ các hoạt động xúc tiến đầu tư, truyền thông, quảng bá khu du lịch cấp tỉnh trong chương trình giới thiệu, quảng bá, xúc tiến du lịch của tỉnh.

i) Thực hiện thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong quản lý và kinh doanh dịch vụ du lịch tại các khu du lịch cấp tỉnh.

k) Tham gia ý kiến đối với Quy chế phối hợp quản lý khu du lịch cấp tỉnh nằm trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên theo đề nghị của UBND cấp huyện, nơi đặt trụ sở của đơn vị quản lý khu du lịch cấp tỉnh.

l) Phối hợp hỗ trợ, hướng dẫn xây dựng hệ thống sơ đồ, biển báo, biển chỉ dẫn, điểm cung cấp thông tin, hỗ trợ phục vụ khách du lịch tại khu du lịch cấp tỉnh.

m) Hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo thống kê du lịch định kỳ theo quy định, báo cáo đột xuất.

## 2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí vốn đầu tư thực hiện các chương trình, dự án hạ tầng phát triển du lịch theo kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm đã được phê duyệt.

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan giám sát, theo dõi các nguồn vốn đầu tư theo quy định.

## 3. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân các cấp hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, môi trường, tài nguyên và đa dạng sinh học đối với các dự án đầu tư phát triển du lịch tại các khu du lịch cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

b) Thực hiện việc kiểm tra sử dụng đất, kiểm tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các khu du lịch cấp tỉnh và xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

## 4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Phối hợp trong công tác thực hiện quản lý các dự án đầu tư phát triển các khu du lịch cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh có liên quan đến các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, ngư nghiệp theo chức năng quản lý ngành.

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn tổ chức, cá nhân sử dụng đất rừng để phát triển du lịch sinh thái, kết hợp bảo tồn tài nguyên thiên nhiên tại các khu du lịch cấp tỉnh.

## 5. Sở Giao thông vận tải

a) Phối hợp, hỗ trợ về công tác đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông đến

các khu du lịch cấp tỉnh theo đề xuất của địa phương khi có điều kiện về nguồn vốn.

b) Phối hợp triển khai thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan đến lĩnh vực ngành giao thông vận tải.

#### 6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Triển khai thực hiện các đề án, chương trình, kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bến Tre, trong đó quan tâm đào tạo nguồn nhân lực đội ngũ quản lý, nhân viên phục vụ, hướng dẫn viên du lịch tại các điểm du lịch, các khu du lịch cấp tỉnh quản lý; chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tích cực triển khai thực hiện công tác bồi dưỡng, đào tạo nhân lực trong lĩnh vực du lịch.

#### 7. Sở Nội vụ

Hướng dẫn việc thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh đối với mô hình tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh do UBND cấp huyện thành lập theo quy định của pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp huyện.

#### 8. Công an tỉnh

Triển khai, hướng dẫn công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn cho khách du lịch; công tác đảm bảo quốc phòng, an ninh; quản lý khách quốc tế đến các khu du lịch cấp tỉnh nằm trong khu vực biên giới biển; công tác phòng, chống cháy nổ, cứu hộ, cứu nạn đối với khu du lịch cấp tỉnh.

#### 9. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

Chủ trì, phối hợp kiểm tra, kiểm soát, giữ gìn an ninh, trật tự đảm bảo cho khách du lịch quốc tế đến các khu du lịch cấp tỉnh nằm trong khu vực biên giới biển theo quy định của pháp luật; thực hiện nghiêm các quy định tại Nghị định số 71/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về quản lý hoạt động của người, phương tiện trong khu vực biên giới biển nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

#### 10. Liên minh Hợp tác xã tỉnh

Tư vấn, hướng dẫn các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động theo Luật Hợp tác xã; phối hợp các đơn vị liên quan hướng dẫn các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện quản lý khu du lịch cấp tỉnh theo mô hình quản lý khu du lịch cấp tỉnh do hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đầu tư hình thành.

11. Các sở, ban, ngành, có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với khu du lịch cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh.

### **Điều 13. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện**

1. Thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh do cơ quan Nhà nước đầu tư hình thành theo quy định pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp huyện và Quy định này.

2. Đảm bảo duy trì các điều kiện công nhận khu du lịch cấp tỉnh.

3. Thực hiện cơ chế phối hợp trong quản lý khu du lịch cấp tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Quy định này.

4. Chỉ đạo tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh, các cơ quan chuyên môn, UBND cấp xã nơi có khu du lịch cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp với tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh thực hiện công tác bảo đảm an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã**

Phối hợp với tổ chức quản lý khu du lịch cấp tỉnh thuộc địa bàn quản lý thực hiện công tác bảo đảm an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 15. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân**

Tổ chức, cá nhân có liên quan đến khu du lịch cấp tỉnh có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật và nội quy của khu du lịch cấp tỉnh; giữ gìn vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, an ninh trật tự và bảo vệ tài nguyên du lịch trong khu du lịch cấp tỉnh.

#### **Điều 16. Điều khoản thi hành**

1. Các nội dung liên quan đến quản lý khu du lịch cấp tỉnh không được quy định tại Quy định này, thì thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này, nếu phát sinh những vấn đề chưa phù hợp, cần sửa đổi, bổ sung, thay thế; các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức và cá nhân đề xuất đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 28/2024/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 06 tháng 8 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Quy chế xét tặng danh hiệu**  
**Công dân Đồng Khởi tiêu biểu và Công dân Đồng Khởi danh dự**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;*

*Căn cứ Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2432/TTr-SNV ngày 31 tháng 7 năm 2024.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xét tặng danh hiệu Công dân Đồng Khởi tiêu biểu và Công dân Đồng Khởi danh dự.

**Điều 2. Điều khoản thi hành**

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Hội đồng xét tặng danh hiệu; Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 8 năm 2024 và thay thế Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế xét tặng danh hiệu Công dân Đồng Khởi và Công dân Đồng Khởi danh dự./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trần Ngọc Tam**



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY CHẾ

### Xét tặng danh hiệu Công dân Đồng Khởi tiêu biểu và Công dân Đồng Khởi danh dự

(Kèm theo Quyết định số 28/2024/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

## Chương I

### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc xét tặng danh hiệu Công dân Đồng Khởi tiêu biểu và Công dân Đồng Khởi danh dự trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công dân Việt Nam trong và ngoài tỉnh, người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài có thành tích tiêu biểu, xuất sắc, có nhiều cống hiến, đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội, an ninh, quốc phòng của tỉnh.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xét tặng danh hiệu Công dân Đồng Khởi tiêu biểu và Công dân Đồng Khởi danh dự.

#### Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Danh hiệu Công dân Đồng Khởi tiêu biểu và Công dân Đồng Khởi danh dự (sau đây gọi tắt là Danh hiệu) là hình thức tôn vinh, khen thưởng cao quý của tỉnh Bến Tre, tặng cho cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển tỉnh Bến Tre, là tấm gương sáng để mọi người học tập, noi theo.

2. Công dân Đồng Khởi tiêu biểu: Là công dân Việt Nam (có quê quán Bến Tre) không phân biệt độ tuổi, giới tính, tôn giáo, dân tộc, nghề nghiệp đạt tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy chế này.

3. Công dân Đồng Khởi danh dự: Là công dân Việt Nam, không có quê quán Bến Tre và người nước ngoài (không phân biệt độ tuổi, giới tính, tôn giáo, dân tộc, nghề nghiệp) đạt tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Quy chế này.

#### Điều 4. Nguyên tắc xét tặng danh hiệu

1. Việc xét, chọn phải đảm bảo công khai, công bằng, chính xác và kịp thời; bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới; kết hợp hài hòa giữa động viên tinh thần với khuyến khích bằng lợi ích vật chất.

2. Mốc thời gian ghi nhận thành tích để xét tặng danh hiệu cho các cá nhân được tính từ năm 1998 (thời điểm thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 05 tháng 12 năm 1997 của Tỉnh ủy Bến Tre về tổ chức kỷ niệm những ngày lịch sử lớn trong

năm 2000, phát động phong trào Đồng Khởi mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đẩy lùi nghèo nàn, lạc hậu) đến thời điểm xét tặng.

3. Mỗi cá nhân chỉ được tặng một danh hiệu và một lần duy nhất.

4. Số lượng được xét tặng không quá 10 cá nhân cho cả hai danh hiệu đối với 01 lần xét tặng.

5. Thời gian tổ chức xét tặng danh hiệu Công dân Đồng Khởi tiêu biểu và Công dân Đồng Khởi danh dự 05 năm một lần (lần thứ tư sẽ được thực hiện vào năm 2025, dịp kỷ niệm Ngày Bến Tre Đồng Khởi 17/01/2025).

## **Chương II**

### **TIÊU CHUẨN VÀ TỔ CHỨC XÉT TẶNG DANH HIỆU**

#### **Điều 5. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu**

1. Cá nhân được xét tặng danh hiệu Công dân Đồng Khởi tiêu biểu phải đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; gương mẫu trong thực hiện nếp sống văn minh, văn hóa tại cơ quan, đơn vị, địa phương nơi cư trú;

b) Có thành tích đặc biệt xuất sắc, đóng góp thiết thực vào sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển tỉnh; tiêu biểu, đi đầu trong học tập, công tác, lao động sản xuất, kinh doanh, bảo vệ môi trường, văn hóa nghệ thuật, khoa học - công nghệ, y tế, giáo dục và đào tạo, thể dục thể thao, công tác xã hội từ thiện, an ninh - quốc phòng,...là tấm gương sáng để mọi người học tập, noi theo.

c) Tận tụy, trung thực, tiêu biểu cho tinh thần: Cần - Kiệm - Liêm - Chính - Chí công - Vô tư.

2. Cá nhân được xét tặng danh hiệu Công dân Đồng Khởi danh dự phải đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b) Có đóng góp đặc biệt quan trọng, thiết thực, hiệu quả trong xây dựng, bảo vệ và phát triển tỉnh Bến Tre trên các lĩnh vực: Lao động sản xuất, kinh doanh, khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường, văn hóa nghệ thuật, y tế, giáo dục và đào tạo, thể dục thể thao, công tác xã hội từ thiện, an ninh - quốc phòng,...là tấm gương sáng để mọi người học tập, noi theo.

#### **Điều 6. Hội đồng xét tặng danh hiệu**

1. Hội đồng xét tặng danh hiệu do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập (sau đây gọi tắt là Hội đồng), số lượng thành viên của Hội đồng tùy thuộc

vào số lượng và đối tượng được đề nghị xét tặng, nhưng không ít hơn 11 người. Hội đồng có nhiệm vụ giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét chọn các cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu nhất, đóng góp đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển tỉnh Bến Tre để xem xét, quyết định tặng danh hiệu Công dân Đồng Khởi tiêu biểu và Công dân Đồng Khởi danh dự.

2. Hội đồng gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên:

- a) Chủ tịch Hội đồng: Là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- b) Mời Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh làm Phó Chủ tịch Hội đồng; Giám đốc Sở Nội vụ làm Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng;
- c) Các Thành viên Hội đồng, bao gồm: Lãnh đạo các Sở, ban, ngành, địa phương, các chuyên gia, nhà khoa học thuộc lĩnh vực xét tặng danh hiệu.
- d) Thư ký Hội đồng: Ban Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ.

3. Chủ tịch Hội đồng điều hành các phiên họp của Hội đồng. Hội đồng làm việc theo chế độ tập thể. Các phiên họp của Hội đồng phải có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên tham dự. Quyết định của Hội đồng chỉ có giá trị khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng có mặt đồng ý.

4. Chủ tịch Hội đồng có thể ủy quyền cho Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng điều hành phiên họp của Hội đồng; Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng có trách nhiệm thay mặt Hội đồng báo cáo Chủ tịch Hội đồng về kết quả làm việc và đề xuất của Hội đồng đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng danh hiệu Công dân Đồng Khởi tiêu biểu và Công dân Đồng Khởi danh dự.

### **Điều 7. Quy trình xét tặng danh hiệu**

1. Căn cứ Điều 5 của Quy chế này, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương xem xét, lựa chọn các cá nhân xuất sắc tiêu biểu nhất trong lĩnh vực phụ trách, đề nghị về Ủy ban nhân dân tỉnh qua Sở Nội vụ, thời gian trong tháng 10 của năm xét tặng danh hiệu; riêng xét, đề nghị tặng danh hiệu Công dân Đồng Khởi tiêu biểu và Công dân Đồng Khởi danh dự lần thứ tư sẽ được thực hiện trong tháng 10/2024.

a) Cá nhân đủ tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu Công dân Đồng Khởi tiêu biểu thuộc cơ quan, đơn vị, địa phương nào trực tiếp quản lý, thì cơ quan, đơn vị, địa phương đó xem xét, giới thiệu về Sở Nội vụ tổng hợp.

b) Cơ quan, đơn vị, địa phương là đầu mối liên hệ, tiếp nhận đóng góp, thì cơ quan, đơn vị, địa phương đó xem xét, giới thiệu cá nhân đủ tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu Công dân Đồng Khởi danh dự về Sở Nội vụ tổng hợp.

2. Sở Nội vụ:

a) Tổng hợp danh sách cá nhân xuất sắc tiêu biểu nhất được giới thiệu từ các cơ quan, đơn vị, địa phương và báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét.

b) Ban hành văn bản đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương lập hồ sơ đề nghị Hội đồng xem xét, tặng danh hiệu.

c) Đăng tải thông tin về các cá nhân được lập hồ sơ đề nghị tặng danh hiệu trên Báo Đồng Khởi, Đài Phát thanh và Truyền hình Bến Tre, Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh để lấy ý kiến Nhân dân trong vòng 10 ngày.

d) Thẩm định hồ sơ đề nghị, thông qua Hội đồng xét tặng danh hiệu xét duyệt. Hoàn chỉnh hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng danh hiệu.

### **Điều 8. Tổ chức Lễ tôn vinh và trao tặng**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức Lễ tôn vinh và trao tặng cho các cá nhân đạt danh hiệu Công dân Đồng Khởi tiêu biểu và Công dân Đồng Khởi danh dự vào dịp kỷ niệm Ngày Bến Tre Đồng Khởi (17/01).

2. Lễ tôn vinh và trao tặng danh hiệu được tổ chức trang trọng và được truyền thông rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng để biểu dương, tôn vinh, nhân rộng, nêu gương, nhằm tạo sự lan tỏa trong và ngoài tỉnh.

### **Điều 9. Khen thưởng và kinh phí**

1. Cá nhân đạt danh hiệu Công dân Đồng Khởi tiêu biểu và Công dân Đồng Khởi danh dự được tặng Bằng công nhận, Huy hiệu và tiền thưởng; được ghi tên vào Sổ vàng truyền thống của tỉnh.

2. Kinh phí tổ chức xét chọn và trao tặng danh hiệu được chi từ ngân sách Nhà nước, chủ yếu chi cho các hoạt động sau:

- a) Hoạt động của Hội đồng;
- b) In ấn, làm hiện vật khen thưởng (Bằng công nhận, huy hiệu, khung);
- c) Tổ chức Lễ tôn vinh và trao tặng;
- d) Tiền thưởng kèm theo.

### **Điều 10. Hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu**

1. Thủ trưởng đơn vị và cá nhân được đề nghị tặng danh hiệu chịu trách nhiệm về tính chính xác trong việc lập hồ sơ đề nghị xét tặng. Trường hợp phát hiện tổ chức, cá nhân không trung thực trong việc lập hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thì hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu, thu hồi toàn bộ hiện vật và tiền thưởng theo quy định.

2. Trong thời hạn 15 ngày sau khi phát hiện vi phạm, Sở Nội vụ có trách nhiệm tham mưu Hội đồng hoàn tất các thủ tục đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định thu hồi Bằng công nhận, Huy hiệu, tiền thưởng và xóa tên trong sổ vàng truyền thống.

3. Việc hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu được công bố công khai trên Báo Đồng Khởi, Đài Phát thanh và Truyền hình Bến Tre, Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh.

### **Chương III**

## **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 11. Tổ chức thực hiện**

1. Đề nghị Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh được mời thực hiện nhiệm vụ Phó Chủ tịch Hội đồng xét tặng danh hiệu; chủ trì, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh thực hiện tốt công tác tuyên truyền nhằm tạo sự lan tỏa tích cực trong toàn xã hội đối với các cá nhân được xét tặng danh hiệu Công dân Đồng Khởi tiêu biểu và Công dân Đồng Khởi danh dự.

2. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch và triển khai, phổ biến, truyền thông về xét tặng danh hiệu; có trách nhiệm đôn đốc các cấp, các ngành, các đơn vị tổ chức thực hiện Quy chế này.

3. Các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Quy chế này.

4. Báo Đồng Khởi, Đài Phát thanh và Truyền hình Bến Tre và các cơ quan truyền thông của tỉnh kịp thời thông tin, tuyên truyền, tạo sự lan tỏa sâu rộng đối với những cá nhân được tặng danh hiệu Công dân Đồng Khởi tiêu biểu và Công dân Đồng Khởi danh dự.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh./.

---

---

**VĂN PHÒNG UBND TỈNH BẾN TRE XUẤT BẢN**

Địa chỉ: Số 07, Cách mạng tháng Tám, Phường An Hội, TP.Bến Tre;

Điện thoại liên hệ: 0275.3822115 - 3827529; Fax: 0275.3822134;

E-mail: [congbaobentre@bentre.gov.vn](mailto:congbaobentre@bentre.gov.vn);

Website: [congbao.bentre.gov.vn](http://congbao.bentre.gov.vn)